

Số: /2026/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trong phạm vi tỉnh
và quy mô thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày .../.../2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Phân cấp quản lý công trình thủy lợi trong phạm vi tỉnh và quy mô thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nghệ An được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân do nhà nước quản lý đã được đưa vào khai thác sử dụng phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, kinh tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Đối với các công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn khác, việc tổ chức quản lý, khai thác do chủ sở hữu công trình thủy lợi (hoặc đại

diện chủ sở hữu) quyết định trên cơ sở vận dụng hướng dẫn của Quy định này và các văn bản pháp luật có liên quan, đảm bảo an toàn, hiệu quả công trình.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường (gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã), các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công trình thủy lợi đầu mối là công trình trực tiếp tạo nguồn, lấy nước, dâng nước, trữ nước hoặc tiêu thoát nước của hệ thống công trình thủy lợi, bao gồm hồ chứa nước, đập dâng, trạm bơm, cống lấy nước và các công trình có chức năng tương tự.

2. Công trình trên kênh là Công trình dùng để lấy nước, dẫn nước, điều tiết dòng chảy và phân phối nước trên hệ thống kênh bao gồm cống đầu kênh, cống điều tiết, tràn ngang, tràn dọc, dốc nước, bậc nước, kênh chuyển nước, xiphong, cống luồn.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc quy định về phân cấp của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật thủy lợi và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ vào quy mô, nhiệm vụ, mức độ phức tạp về kỹ thuật, phạm vi phục vụ và tầm quan trọng của công trình để phân cấp, quản lý. Trường hợp trong một hệ thống công trình thủy lợi có nhiều tổ chức, đơn vị được giao quản lý các công trình thành phần; đơn vị được giao quản lý công trình đầu mối hoặc công trình tạo nguồn có trách nhiệm chủ trì điều phối, thống nhất việc vận hành hệ thống nhằm bảo đảm khai thác đồng bộ, an toàn, hiệu quả và hài hòa lợi ích của các đối tượng sử dụng nước.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi phải có đủ năng lực, kinh nghiệm phù hợp với quy mô, tính chất, yêu cầu kỹ thuật của từng công trình, hệ thống công trình theo quy định.

4. Đảm bảo an toàn công trình thủy lợi và phát huy hiệu quả khai thác đa mục tiêu các công trình thủy lợi trong đó có cấp nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, các ngành kinh tế khác.

Điều 4. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý các công trình thủy lợi, như sau:

a) Đối với hồ chứa nước: Hồ chứa nước có dung tích thiết kế toàn bộ từ 500.000 m³ trở lên hoặc hồ có chiều cao đập từ 10 m trở lên;

b) Đối với đập dâng: Đập dâng có chiều cao đập từ 10 m trở lên;

c) Đối với trạm bơm: Trạm bơm có tổng lưu lượng thiết kế từ 12.000m³/h trở lên.

d) Đối với cống tiêu thoát lũ, cống ngăn mặn, giữ ngọt (trừ cống qua đê): Cống có tổng chiều rộng thoát nước từ 10m trở lên.

đ) Đối với kênh tưới và công trình trên kênh thuộc công trình đầu mối tại điểm a, b, c khoản này:

Tính từ vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến công trình thủy lợi đầu mối. Việc xác định quy mô, vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thực hiện theo Điều 6 của quy định này.

e) Đối với hệ thống tiêu, thoát nước, tưới tiêu kết hợp: Kênh, mương, rạch, tuynel, xi phông, cầu máng có lưu lượng từ 20 m³/s trở lên hoặc có chiều rộng đáy kênh từ 10 m trở lên và trên kênh có cống tiêu thoát lũ, cống ngăn mặn, giữ ngọt quy định tại điểm d khoản này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý các công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước trên địa bàn, cụ thể:

a) Đối với hồ chứa nước, đập dâng, trạm bơm, cống tiêu thoát lũ, cống ngăn mặn, giữ ngọt:

Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn trừ các công trình được quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này.

b) Đối với kênh và công trình trên kênh:

- Kênh và công trình trên kênh thuộc các công trình thủy lợi đầu mối do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

- Kênh và công trình trên kênh kể từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến mặt ruộng đã được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

d) Đối với kênh tiêu: Kênh tiêu nằm trên phạm vi địa giới hành chính của xã, phường sẽ do Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh việc phân cấp quản lý công trình quy định một trong các trường hợp sau:

a) Công trình hoàn thành giai đoạn đầu tư xây dựng được phân công, phân cấp quản lý, tùy thuộc vào quy mô của công trình (Trường hợp đáp ứng được năng lực quản lý thì cấp nào đang quản lý công trình thì tiếp tục quản lý công trình đó).

b) Trường hợp các đơn vị khai thác công trình thủy lợi không đáp ứng được năng lực quản lý theo quy định.

Điều 5. Tổ chức quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi

1. Giao cho các Công ty trách nhiệm hữu hạn Thủy lợi trên địa bàn tỉnh quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho các tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi được phân cấp quản lý tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

Điều 6. Vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và quy mô thủy lợi nội đồng

1. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi với tổ chức thủy lợi cơ sở là vị trí được xác định theo quy mô thủy lợi nội đồng quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy mô thủy lợi nội đồng được quy định theo diện tích tưới, tiêu thiết kế của khu vực tưới, tiêu đối với từng vùng địa hình như sau:

a) Khu vực miền núi: Nhỏ hơn hoặc bằng 50 ha;

Việc xác định các xã miền núi thực hiện theo quy định của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Khu vực đồng bằng (các xã, phường còn lại): Nhỏ hơn hoặc bằng 200 ha.

Trường hợp tổ chức thủy lợi cơ sở đáp ứng điều kiện năng lực, việc mở rộng quy mô thủy lợi nội đồng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Trường hợp không xác định được vị trí điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ cụ thể thì tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thỏa thuận điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

Điều 6. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục công trình thủy lợi được phân cấp quản lý, khai thác các công trình theo quy định tại Quyết định.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thực hiện quản lý các công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền được phân cấp tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này theo quy định của pháp luật về thủy lợi và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

b) Thành lập, củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực các tổ chức thủy lợi cơ sở để quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo quy định tại Nghị định 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ, Thông tư 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi

a) Thực hiện quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được giao đúng theo quy định; đảm bảo an toàn và phát huy hiệu quả của công trình.

b) Thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại Điều 53, Điều 54 Luật Thủy lợi.

c) Chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi xác định cụ thể vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định tại Điều 6 của Quy định này.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

Các công trình thủy lợi đang được các tổ chức, đơn vị quản lý, khai thác trước ngày Quyết định này có hiệu lực tiếp tục được quản lý, khai thác cho đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Các đơn vị được giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi phải hoàn chỉnh hồ sơ, lưu trữ đầy đủ về hệ thống công trình thủy lợi được giao quản lý theo quy định hiện hành.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2026.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Cục quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh Nghệ An;
- Công báo tỉnh Nghệ An;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**